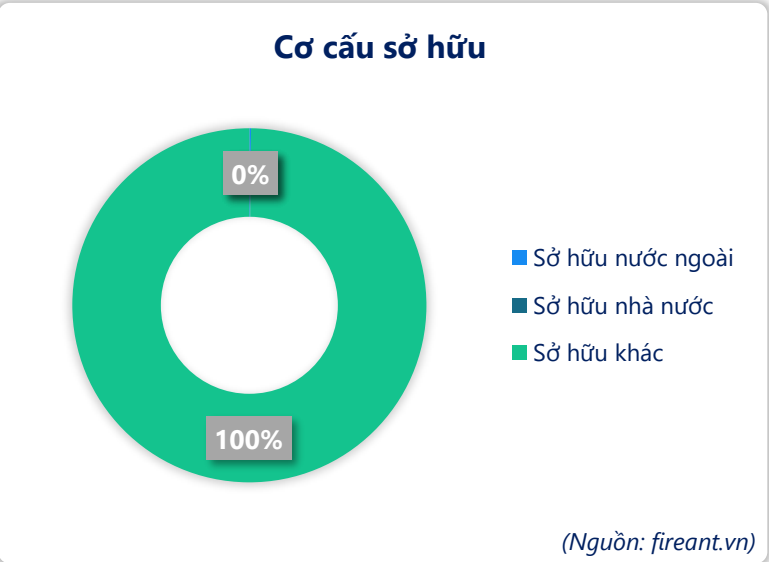
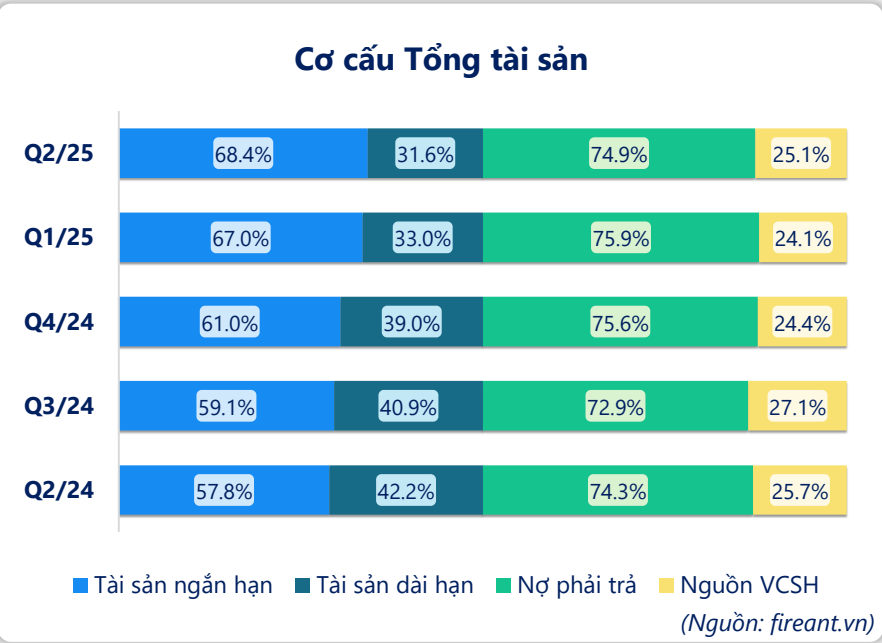
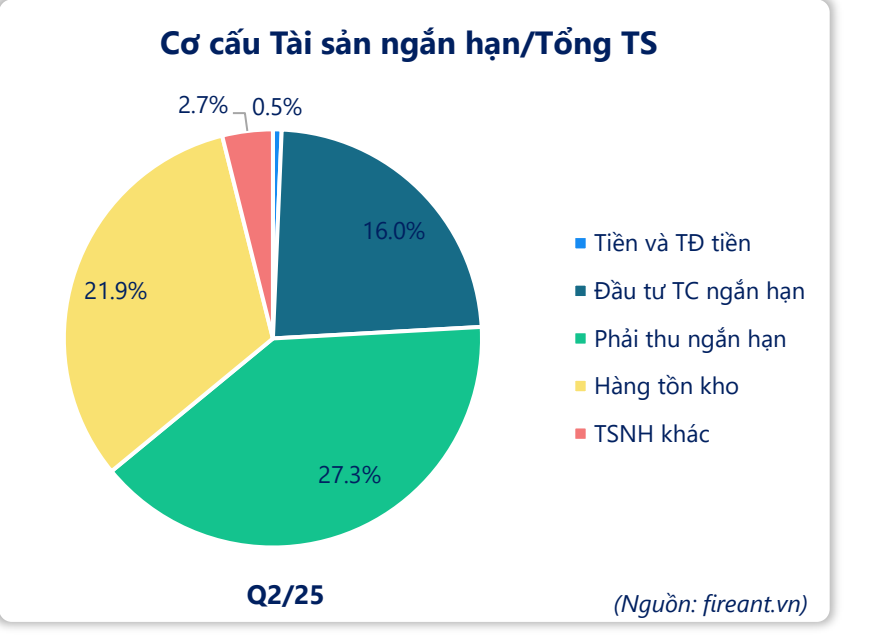
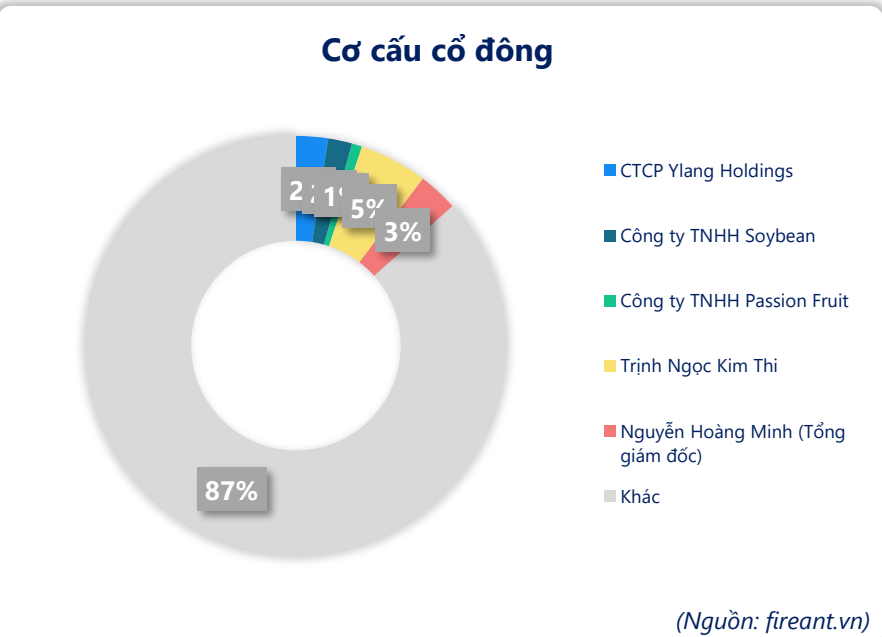
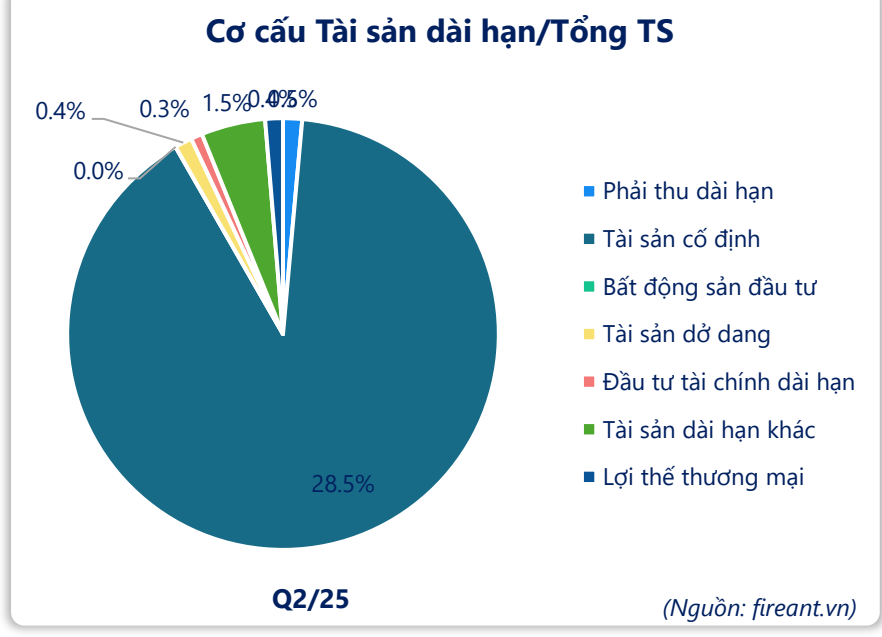
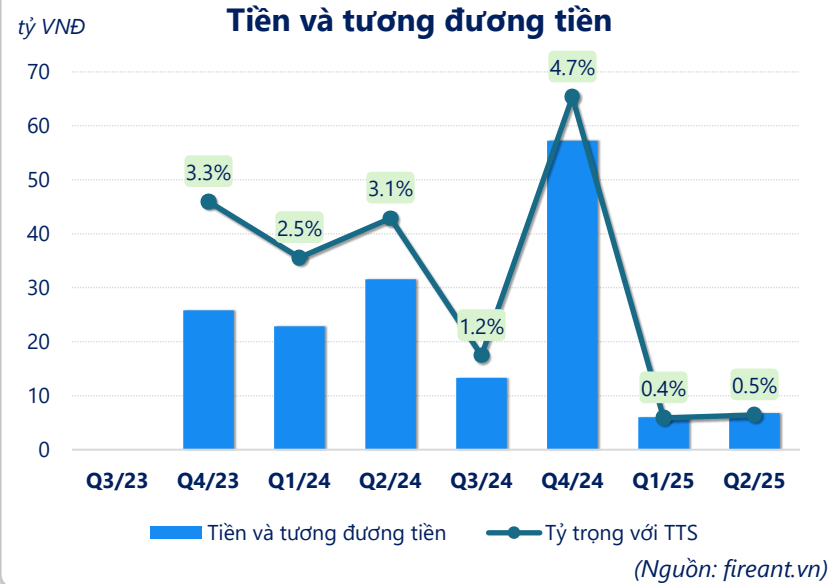
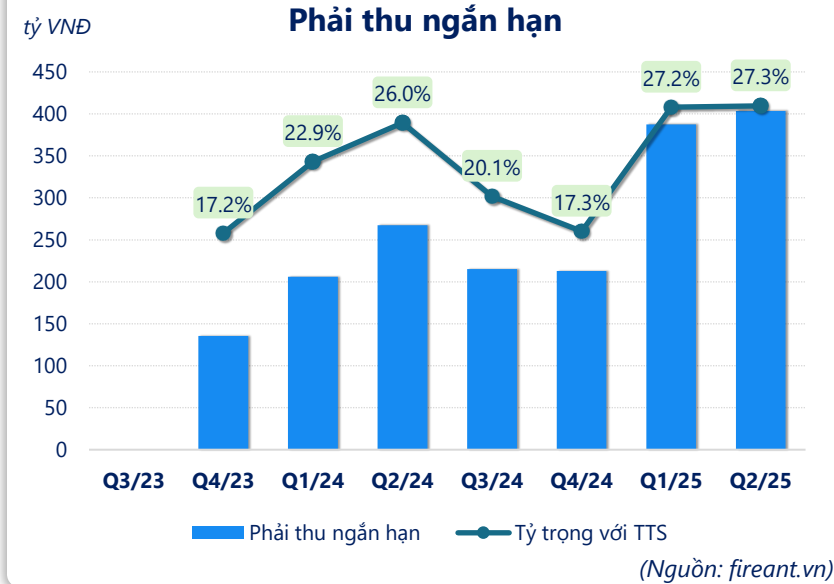
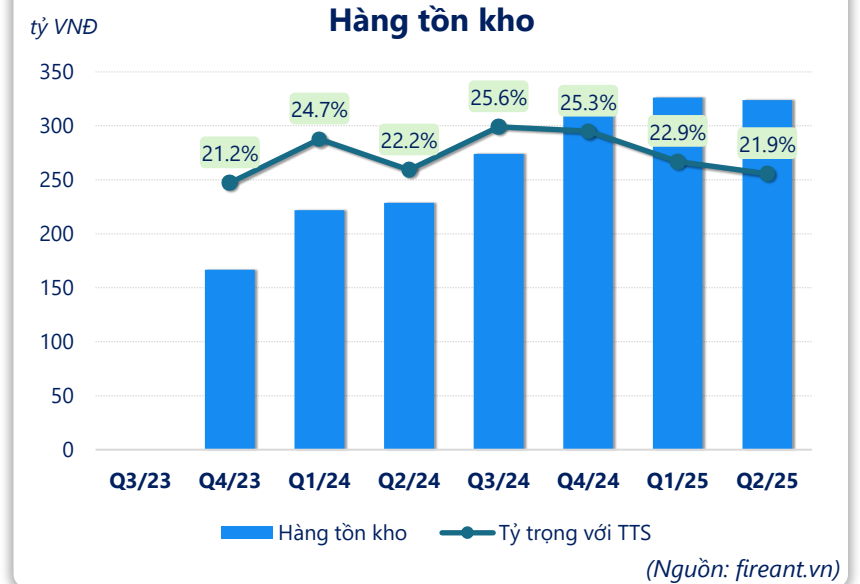
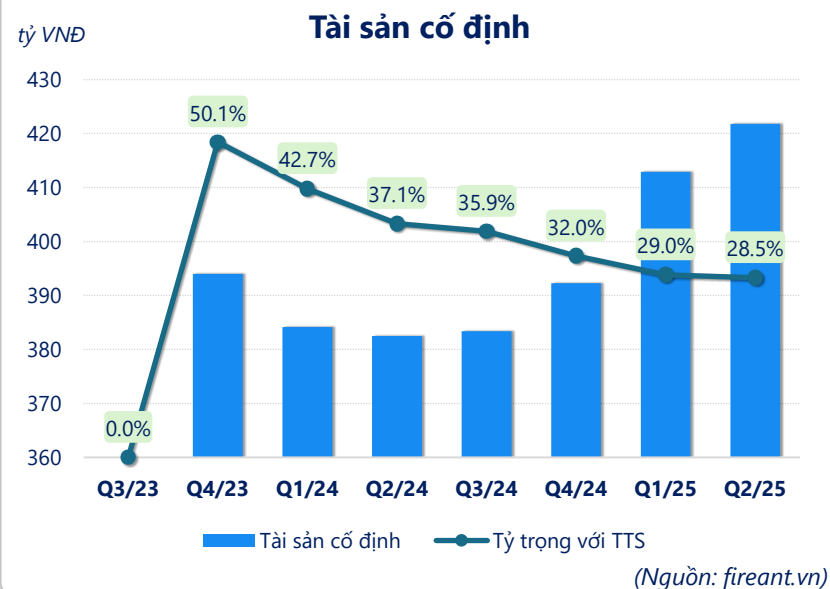
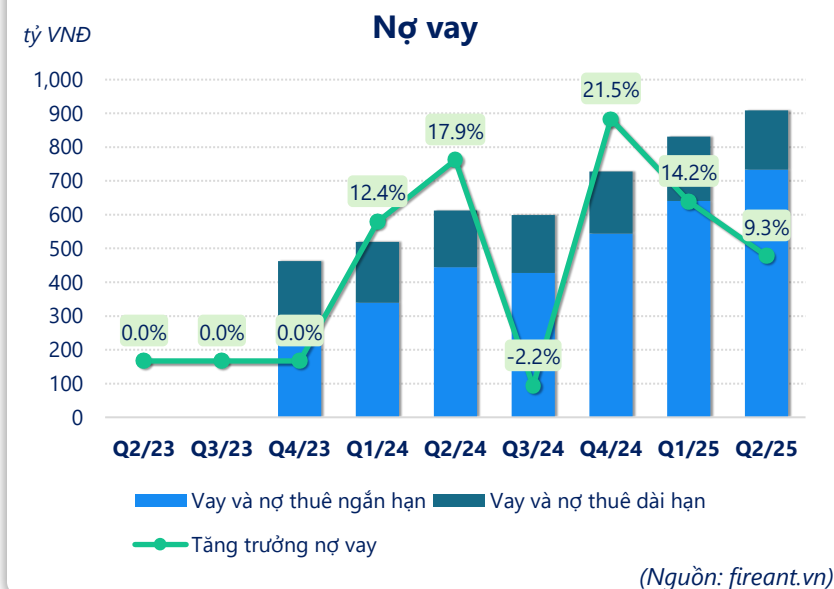
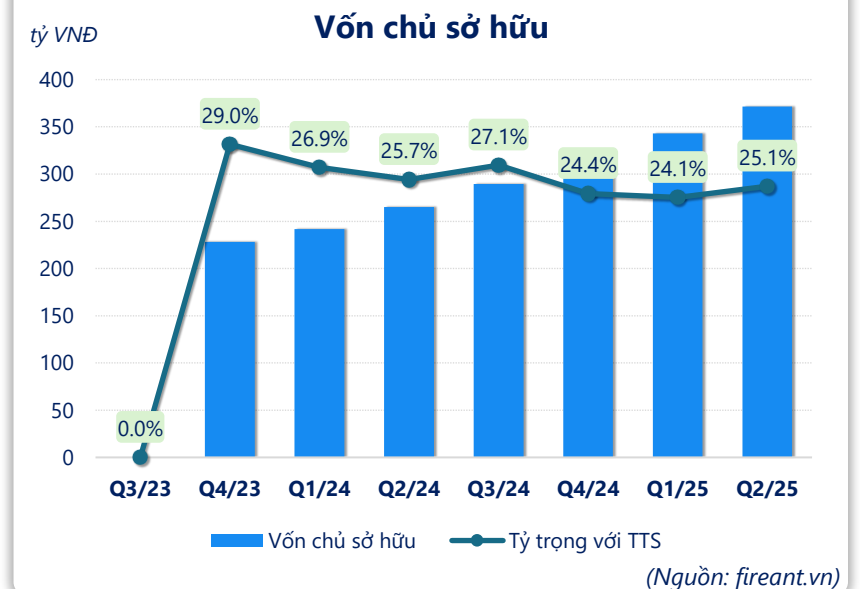
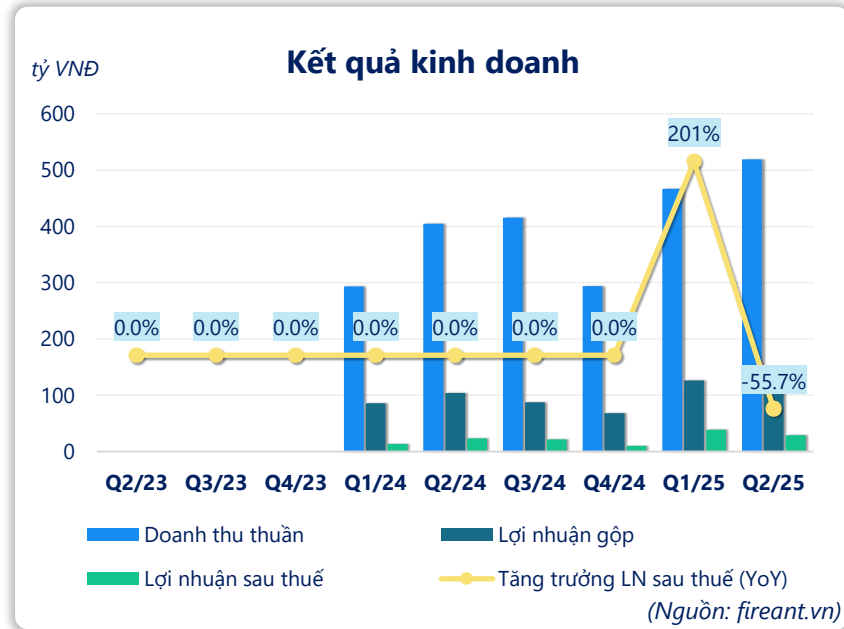
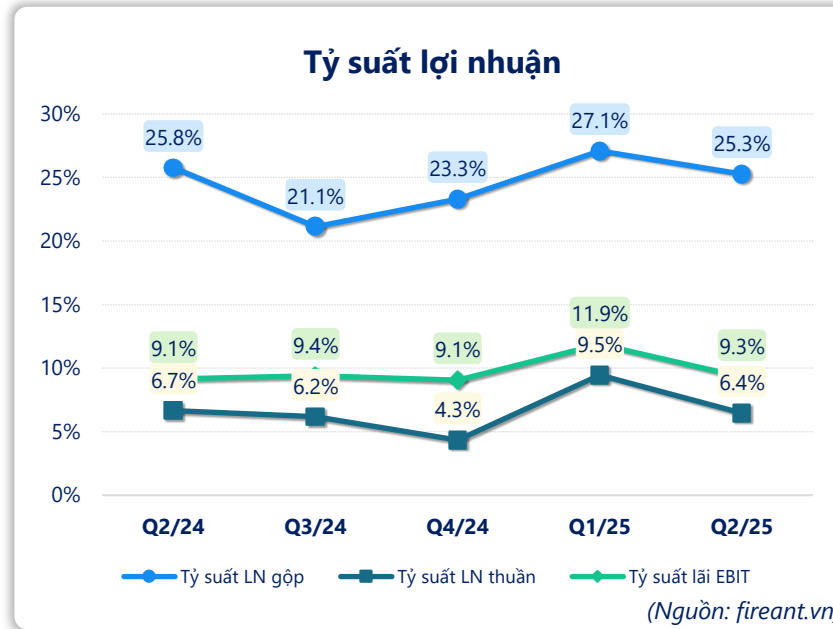
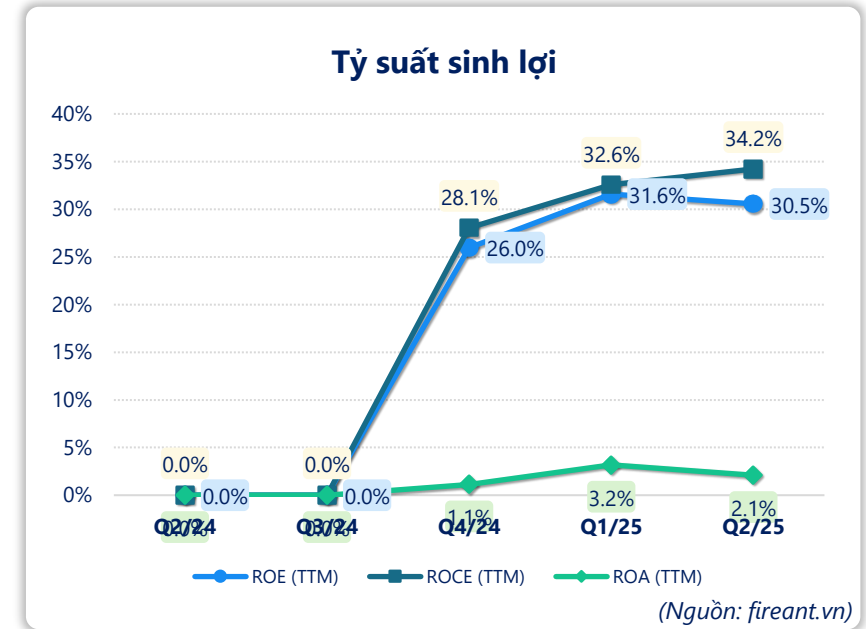
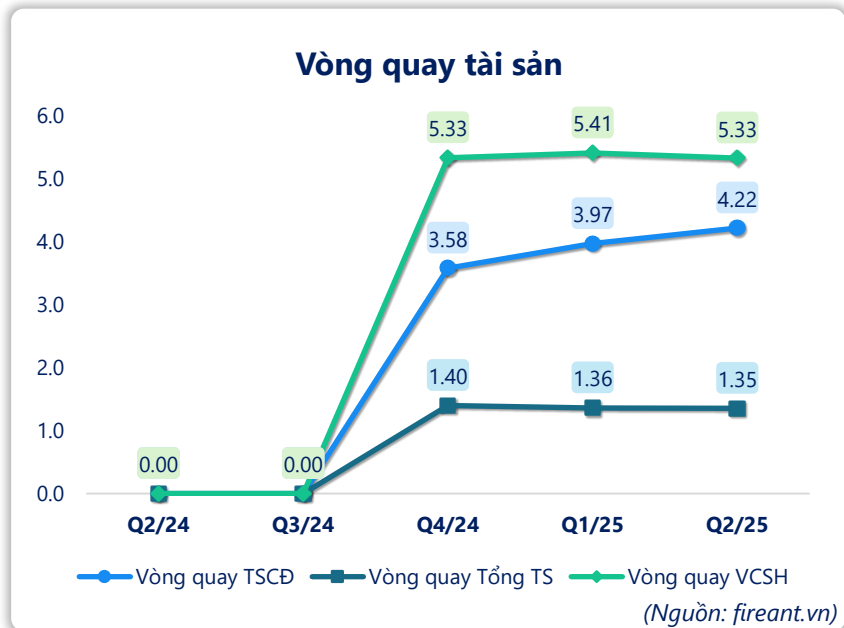
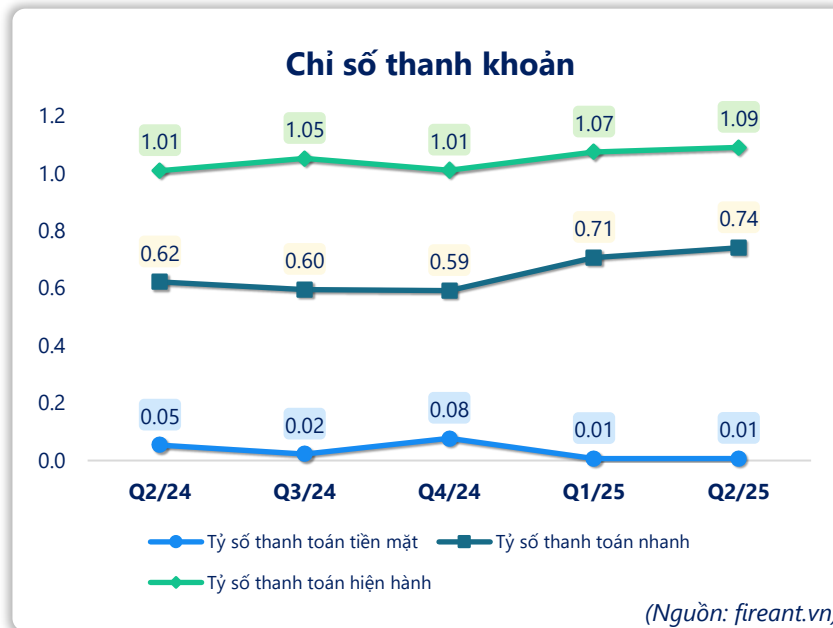
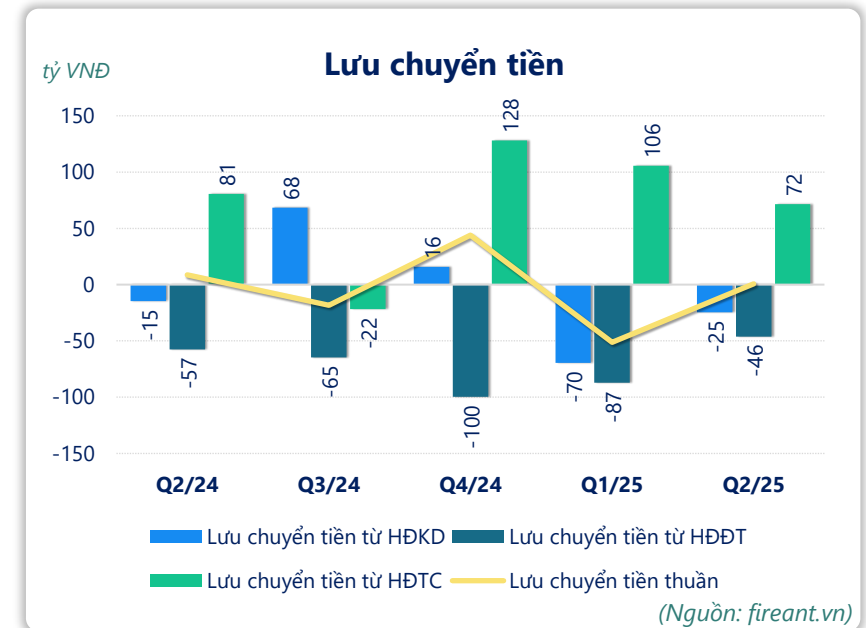


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,283
SL cổ phiếu LH		20,503,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)		37,905
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		627
P/E		6.5
EPS		4,741

	YTD	1T	3T	6T
ANT	71.6%	13.3%	46.9%	73.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,478	1,224	20.8%
Tài sản ngắn hạn	1,011	760	32.9%
Tiền và tương đương tiền	6.79	57.2	-88.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	237	144	65.1%
Phải thu ngắn hạn	403	213	89.7%
Hàng tồn kho	324	323	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	39.5	23.9	64.9%
Tài sản dài hạn	467	463	0.9%
Phải thu dài hạn	6.68	6.96	-4.0%
Tài sản cố định	422	392	7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.10	34.6	-82.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.00	4.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	22.5	18.7	20.2%
Lợi thế thương mại	6.18	6.57	-5.9%
Nợ phải trả	1,107	922	20.1%
Nợ ngắn hạn	927	737	25.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	734	546	34.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	117	70.2	66.7%
Nợ dài hạn	179	185	-3.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	175	182	-3.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	371	302	23.0%
Vốn chủ sở hữu	371	302	23.0%
Vốn điều lệ	205	184	11.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	405	416	294	467	519
Giá vốn hàng bán	300	328	225	341	388
Lợi nhuận gộp	104	87.9	68.5	127	131
Doanh thu HĐTC	6.40	7.14	7.63	5.79	8.77
Chi phí TC	15.9	16.3	15.6	13.3	25.8
Chi phí lãi vay	10.0	12.7	13.9	11.4	14.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	43.3	35.9	27.1	36.9	37.8
Chi phí QLDN	24.4	17.1	20.7	38.0	42.9
LN thuần từ HĐKD	27.0	25.7	12.7	44.1	33.5
Lợi nhuận khác	0.00	0.67	0.00	-0.07	0.00
LN trước thuế	27.0	26.4	12.7	44.1	33.5
Lợi nhuận sau thuế	23.2	21.8	10.2	38.8	29.1
LNST của CĐ cty mẹ	21.5	22.6	11.2	37.0	26.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.5	68.3	15.6	-69.6	-24.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.5	-64.7	-99.6	-87.2	-46.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	80.7	-21.8	128	106	71.6
Tiền đầu kỳ	22.9	31.6	13.3	57.2	6.00
Lưu chuyển tiền thuần	8.69	-18.3	43.9	-51.2	0.78
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	0	0.01
Tiền cuối kỳ	31.6	13.3	57.2	6.00	6.79

(Nguồn: fireant.vn)